

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2013/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2012/TT-BTTTT
ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Tần số Vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông và Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011 sửa đổi Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2012/TT-BTTTT ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia,

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2012/TT-BTTTT ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2, ký hiệu QCVN 63: 2012/BTTTT tại Phụ lục 1 kèm theo.

2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tín hiệu phát truyền hình kỹ thuật số DVB-T2, ký hiệu QCVN 64: 2012/BTTTT tại Phụ lục 2 kèm theo.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Bắc Sơn

Phụ lục 1**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT DVB-T2, KÝ HIỆU QCVN 63:2012/BTTTT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2013/TT-BTTTT ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Tài liệu viện dẫn [2], [4], [21] mục “1.3. Tài liệu viện dẫn” được sửa đổi như sau:

“[2] ETSI EN 302 755 (V1.2.1), Digital Video Broadcasting (DVB); Frame structure channel coding and modulation for a second generation digital terrestrial television broadcasting system (DVB-T2)”

“[4] TCVN 7600:2010 (IEC/CISPR 13:2009), Máy thu thanh, thu hình quảng bá và thiết bị kết hợp - Đặc tính nhiễu tần số radio - Giới hạn và phương pháp đo”

“[21] CI Plus Specification V1.3”

2. Bổ sung mục “1.4.8. Bộ chuyển đổi UP (Up Converter)” như sau:

“1.4.8. Bộ chuyển đổi UP (Up Converter)

Bộ chuyển đổi nâng tần.”

3. Bỏ chữ viết tắt, giải thích viết tắt “AC3” và “E-AC3” của mục “1.5. Chữ viết tắt”

4. Sửa đổi, bổ sung mục “2.1.3. Tương thích điện từ trường” như sau:

“Thiết bị thu phải tuân thủ yêu cầu về tương thích điện từ trường trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7600:2010 (IEC/CISPR 13:2009)[4].”

5. Sửa đổi đoạn cuối của mục “2.2.3.1. Xử lý các bảng báo hiệu PSI/SI” như sau:

“Thiết bị thu phải có khả năng xử lý các bảng sau: NIT, PAT, PMT, SDT, EIT, TDT. Các bảng thông tin trên được mô tả trong quy chuẩn đối với phần tín hiệu phát của DVB-T2.”

6. Sửa đổi, bổ sung mục “2.2.6. Đánh số kênh logic (LCN)” như sau:

“Thiết bị thu phải có khả năng xử lý thông tin dịch vụ từ bảng đánh số kênh logic (LCN - Logical Channel Number) để hỗ trợ đánh số, sắp xếp, tìm kiếm kênh.

Thiết bị thu hỗ trợ LCN bằng cách sử dụng bộ mô tả kênh logic với trường đặc tả descriptor_tag bằng 0 x 83 với cấu trúc và cú pháp như sau:

Cú pháp	Kích thước (bit)	Bộ nhận dạng
logical_channel_descriptor(){		
descriptor_tag	8	uimsbf
descriptor_length	8	uimsbf
for (i = 0; i < N; i++){		
service_id	16	uimsbf
visible_service3_flag	1	bslbf
Reserved	5	bslbf
logical_channel_number	10	uimsbf
}}		

Trong đó:

descriptor_tag: đặt bằng 0 x 83;

service_id: trường 16 bit sử dụng để nhận dạng dịch vụ trong dòng dữ liệu truyền tải (TS);

visible_service_flag: cờ báo hiển thị dịch vụ, có giá trị bằng '1' nếu dịch vụ có thể được hiển thị và lựa chọn trong danh mục dịch vụ trên máy thu; có giá trị bằng '0' nếu dịch vụ không được hiển thị và lựa chọn trong danh mục dịch vụ trên máy thu;

reserved: trường dự trữ để sử dụng trong tương lai, gồm 5 bit được đặt bằng '1';

logical_channel_number: trường 10 bit biểu thị mức độ ưu tiên khi sắp xếp thứ tự dịch vụ.

LCN sẽ được đánh số từ 1 đến 999. Trong đó, các kênh được đánh số từ 1 đến 799 bởi nhà cung cấp dịch vụ; kênh LCN dự phòng được đánh số từ 800 đến 999.”

7. Sửa đổi mục “2.3.2. Cổng kết nối đầu ra RF” như sau:

“STB phải có cổng kết nối đầu ra RF theo tiêu chuẩn IEC 60169-2 [10] kiểu giắc đực.”

8. Sửa đổi mục “2.3.5. Giao diện âm thanh RCA” như sau:

“STB phải có đầu ra âm thanh tương tự RCA, kiểu giắc cái theo chuẩn IEC 60603-14 [12].”

9. Sửa đổi mục “2.3.6. Giao diện hỗ trợ truy nhập có điều kiện” như sau:

“Trường hợp nếu có giao diện hỗ trợ truy nhập có điều kiện, thiết bị thu phải có ít nhất một giao diện CI tuân thủ tiêu chuẩn ETSI EN 50221 [13] hoặc giao diện CI Plus phiên bản 1.3 [21].”

10. Sửa đổi mục “2.4.22.4. Hỗ trợ HE-AAC trên giao diện đầu ra audio tương tự” như sau:

“Nếu có cổng audio tương tự (RCA), thiết bị thu phải có khả năng giải mã và downmix âm thanh được mã hóa HE-AAC để đưa ra cổng audio tương tự (RCA).”

11. Sửa đổi điểm 2, mục “3.1.2.2. Thủ tục đo” như sau:

“2. Sử dụng chế độ DVB-T2 tương ứng với: 32k mở rộng, 256 QAM xoay, GI 1/16, PP4, R2/3, TR-PAPR;”

12. Sửa đổi điểm 4, mục “3.1.2.2. Thủ tục đo” như sau:

“4. Bắt đầu với tần số 178 MHz (Kênh 6);”

13. Sửa đổi điểm 2, mục “3.2.2.2. Thủ tục đo” như sau:

“2. Dùng tần số phát UHF IV/V 666 MHz và mức đầu vào thiết bị thu là -50 dBm. Chọn chế độ DVB-T2 tương ứng:

- Chế độ Single PLP;
- UHF: 32k tiêu chuẩn/mở rộng, 256 QAM xoay, GI1/16, PP4, R2/3, TR-PAPR; 32k, 256 QAM, GI1/128, PP7, R5/6.”

14. Sửa đổi tại mục “3.6.1. Cấu hình đo” như sau:

Cụm từ “Chế độ B (Multiple PLP)” được sửa thành cụm từ “Chế độ A (Single PLP)”.

15. Sửa đổi Bảng 16 như sau:

Bảng 16. Các thay đổi đối với các tham số điều chế - DVB-T

Tham số (kích cỡ bộ FFT, điều chế, tỷ lệ mã, GI)
8K, 64-QAM, R = 3/4, GI = 1/4
8K, 64-QAM, R = 2/3, GI = 1/4
8K, 64-QAM, R = 3/4, GI = 1/8
8K, 64-QAM, R = 2/3, GI = 1/8
8K, QPSK, R = 1/2, GI = 1/8
2K, QPSK, R = 1/2, GI = 1/16
2K, 16-QAM, R = 2/3, GI = 1/32

16. Sửa đổi Bảng 20 như sau:

Bảng 20. Các tham số chế độ DVB-T2 dùng trong các bài đo

Tham số					
FFT	32k	32k	32k	32k	32k
Băng thông	8 MHz	8 MHz	8 MHz	8 MHz	8 MHz
Chế độ băng thông sóng mang	Mở rộng	Mở rộng	Mở rộng	Mở rộng	Mở rộng
Khoảng bảo vệ	1/8	19/256	1/16	1/32	1/128
Mẫu pilot	PP2	PP4	PP4	PP4	PP7